

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG tiền thân là Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là Doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng công ty Cơ điện và Xây dựng Thủy lợi. Theo Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng. Tháng 10 năm 2021 đổi tên thành Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/11/2005. Trong quá trình hoạt động, những thay đổi về nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội phê duyệt tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 01 đến lần 14 ngày 27/10/2021, thay đổi lần thứ 8 với mã số doanh nghiệp là 0100103295.

Công ty có trụ sở tại Ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Ngọc Bình | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Trần Hải Anh | Ủy viên |
| - Ông Nguyễn Văn Huyền | Ủy viên |
| - Ông Trần Ngọc Chiến | Ủy viên |
| - Ông Đỗ Quang Tuấn | Ủy viên |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|-----------------------------|-------------------|-----------------------------------|
| - Ông Nguyễn Ngọc Hưng | Tổng Giám đốc | <i>Bổ nhiệm ngày 19/04/2021</i> |
| - Ông Trần Hải Anh | Tổng Giám đốc | <i>Miễn nhiệm ngày 19/04/2021</i> |
| - Ông Nguyễn Văn Huyền | Phó Tổng Giám đốc | |
| - Ông Ngô Tuấn Anh | Phó Tổng Giám đốc | <i>Miễn nhiệm ngày 05/07/2021</i> |
| - Ông Trịnh Thái Sơn | Phó Tổng Giám đốc | <i>Bổ nhiệm ngày 14/01/2022</i> |
| - Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc | Phó Tổng Giám đốc | |
| - Bà Phạm Thị Chinh Lương | Kế toán trưởng | |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Bình.- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|------------------------|----------------------|-----------------------------------|
| - Ông Hoàng Mạnh Tuấn | Trưởng Ban Kiểm soát | <i>Miễn nhiệm ngày 10/03/2022</i> |
| - Bà Hoàng Thị Kim Anh | Thành viên | |
| - Bà Đinh Thị Vân | Trưởng Ban Kiểm soát | <i>Bổ nhiệm ngày 10/03/2022</i> |
| Ông Nguyễn Thiết | Thành viên | <i>Bổ nhiệm ngày 10/03/2022</i> |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2021 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đính kèm được trình bày từ trang 6 đến trang 39. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Ngọc Bình

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG, được lập ngày 31 tháng 03 năm 2022 từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VIII.5 Thông tin hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng nợ phải trả quá hạn của Công ty là 57.710.125.419 đồng, khoản lỗ lũy kế của công ty là: 374.800.573.399 đồng. Đồng thời theo quyết định số 31404/QĐ-CTHN-QLN ngày 12/08/2021 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng để thi hành cưỡng chế thuế 1 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2021 với số tiền thuế bị cưỡng chế là 22.485.077.489 đồng. Trong thời gian qua Công ty đã nộp bổ sung thuế dẫn đến số thuế còn nợ tại ngày 31/03/2022 là: 7.870.311.663 đồng. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán số 57/2021/BCKT/CPA HN phát hành ngày 30/03/2021 đã đưa ý kiến ngoại trừ về vấn đề không xác nhận được tính hiện hữu và chính xác của khoản mục nợ phải thu, nợ phải trả và vấn đề nhấn mạnh về tính hoạt động liên tục của Công ty.



Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0780-2018-038-1

Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 1906-2018-038-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm đã điều chỉnh
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		340.916.377.312	662.876.717.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.638.100.423	1.820.363.311
1. Tiền	111		12.638.100.423	1.820.363.311
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		237.300	710.823.067
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	237.860	710.823.067
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.1	(560)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		251.019.194.690	507.888.222.074
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	92.032.838.894	256.752.424.570
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.678.469.525	41.983.476.238
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	172.966.243.230	340.165.073.511
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(25.658.356.959)	(131.012.752.245)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	75.592.442.478	146.017.603.893
1. Hàng tồn kho	141		75.815.170.809	211.547.420.272
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(222.728.331)	(65.529.816.379)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.666.402.421	6.439.705.468
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	126.758.334	46.535.832
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.538.712.866	6.392.238.415
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.2	931.221	931.221
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		303.536.105.907	327.478.326.468
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.716.567.707	16.705.324.501
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	12.716.567.707	16.705.324.501
<i>Nguyên giá</i>	222		109.251.548.937	116.524.446.083
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(96.534.981.230)	(99.819.121.582)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	103.352.786.862	106.101.801.634
<i>Nguyên giá</i>	231		132.036.029.974	132.036.029.974
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(28.683.243.112)	(25.934.228.340)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	-	721.443.057
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	721.443.057
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		187.084.281.019	203.578.752.549
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.2	183.067.627.638	197.287.282.549
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.3	9.891.470.000	9.891.470.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2.3	(5.874.816.619)	(3.600.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		382.470.319	371.004.727
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.068.180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	382.470.319	369.936.547
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		644.452.483.219	990.355.044.281

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

B01-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

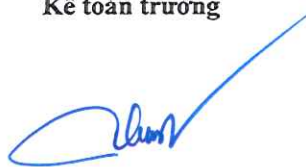
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm đã điều chỉnh
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		455.840.491.774	757.806.216.235
I. Nợ ngắn hạn	310		303.840.491.774	526.530.911.164
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	107.683.334.520	210.131.460.107
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	19.740.115.452	86.104.736.246
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	19.830.693.173	39.311.564.619
4. Phải trả người lao động	314		1.850.419.314	2.485.510.833
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	48.110.371.998	55.168.407.624
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.1	90.422.393.066	108.238.316.449
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.1	4.280.640.000	16.740.434.753
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.24	3.969.753.718	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.952.770.533	8.350.480.533
II. Nợ dài hạn	330		152.000.000.000	231.275.305.071
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.2	152.000.000.000	215.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.2	-	15.725.305.071
3. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	550.000.000
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		188.611.991.446	232.548.828.046
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	188.611.991.446	232.548.828.046
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.100.000.000	575.100.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348
3. Cổ phiếu quỹ	415		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.817.258.755	28.817.258.755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(374.800.573.399)	(337.571.427.657)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(338.015.176.412)	(328.238.174.501)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(36.785.396.986)	(9.333.253.156)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(39.044.746)	6.668.646.113
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		644.452.483.219	990.355.044.281

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch hội đồng quản trị



Phạm Thị Chinh Lương

Phạm Thị Chinh Lương

Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước đã điều chỉnh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	174.385.188.596	125.213.028.085
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		174.385.188.596	125.213.028.085
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	179.332.062.947	107.177.889.083
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.946.874.351)	18.035.139.002
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.549.312.444	1.583.608.747
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.824.343.775	7.055.497.906
Trong đó: chi phí lãi vay	23		547.162.831	5.242.958.653
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(9.119.325.248)	(7.114.302.057)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.053.899.836	9.478.374.182
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(22.395.130.766)	(4.029.426.396)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	14.412.879.631	1.686.204.114
12. Chi phí khác	32	VI.7	28.878.790.648	7.951.214.319
13. Lợi nhuận khác	40		(14.465.911.017)	(6.265.010.205)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(36.861.041.783)	(10.294.436.601)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.975.853	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(85.586.600)	(197.451.780)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(36.779.431.036)</u>	<u>(10.096.984.821)</u>
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>(36.785.396.986)</u>	<u>(9.333.253.156)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>5.965.950</u>	<u>(763.731.665)</u>
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>(707)</u>	<u>(179)</u>

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Phạm Thị Chinh Lương

Kế toán trưởng



Phạm Thị Chinh Lương

Chủ tịch hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B03-DN/HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước đã điều chỉnh
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(36.861.041.783)	(10.294.436.601)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.190.931.845	731.188.617,6
- Các khoản dự phòng	03		(164.416.912.437)	(186.877.197.793)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	88.708.149
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		758.076.669	(931.828.843)
- Chi phí lãi vay	06		547.162.831	5.242.958.653
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(194.781.782.875)	(185.459.910.259)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		355.767.245.246	414.183.037.349
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		135.732.249.463	56.375.244.148
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(267.325.827.672)	(270.153.448.379)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(230.992.240)	227.513.853
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		710.585.207	(368.573.067)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.564.547.223)	(5.608.151.121)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.299.766.573)	(5.238.168.405)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(397.710.000)	(451.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.609.453.332	3.505.744.119
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(52.620.910)	(895.213.658)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		401.363.637	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.119.526.778)	(433.041.096)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.052.567.874	3.844.171.049
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		14.430.016.911	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		231.582.869	931.828.843
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.943.383.603	3.447.745.138

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

B03-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước đã điều chỉnh
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		39.870.000.000	29.640.923.576
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(68.605.099.824)	(39.045.112.169)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.735.099.824)	(9.404.188.593)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.817.737.112	(2.450.699.336)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.820.363.311	4.271.078.526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(15.879)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12.638.100.423	1.820.363.311

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch hội đồng quản trị





Phạm Thị Chinh Lương

Phạm Thị Chinh Lương

Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG tiền thân là Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là Doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng công ty Cơ điện và Xây dựng Thủy lợi. Theo Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng. Tháng 10 năm 2021 đổi tên thành Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là MCG theo giấy phép số 09109/UBCK-GPNY ngày 24 tháng 09 năm 2009 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh, gồm: Xây lắp, dịch vụ, kinh doanh bất động sản và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ quản lý tòa nhà chung cư.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty thông thường là 12 tháng.

- Đối với hoạt động xây lắp: Chu kỳ hoạt động kinh doanh theo từng hợp đồng xây dựng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng đáng kể đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như những đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên thông tin tin cậy có được đến nay lập báo cáo tài chính hợp

Trong năm Công ty thực hiện xử lý tài chính theo tờ trình số 01/2022/TT-TCKT-MCG ngày 08/02/2022. Về việc "Xử lý công nợ, tài sản, tổn thất tài chính". Công ty thực hiện xóa nợ: 103.920.712.051 đồng, xóa dự phòng hàng tồn kho: 69.390.152.490 đồng, xử lý công nợ 11.045.232.831 đồng (trong đó hoàn nhập dự phòng: 672.145.241 đồng, chi phí khác: 25.741.820.217 và thu nhập khác: 14.024.442.145 đồng) và trích lập hàng tồn kho 9.418.476.103 đồng và hạch toán vào chi phí: 113.414.295 đồng.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty cổ phần Khoáng sản MECO	Thôn Đồng Lạt, xã Trung Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	75,00%	92,05%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Công ty đang tạm dừng và giấy phép khai thác đã hết hạn
- Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	Thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, Hưng Yên	51,48%	100,00%	Xây dựng; Sản xuất cơ khí

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Danh sách công ty liên doanh, liên kết

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty cổ phần đầu tư thủy điện An Pha	Số 6A ngõ 52, đường Nguyễn Trãi, phường Quyết Thắng, TP Sơn La, Sơn La	46%	46%	Sản xuất, kinh doanh điện

Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ	Hoạt động CN
Chi nhánh Tuyên Quang	Xã Hưng Thành, Thị xã Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	Xây dựng
Chi nhánh Thanh Hóa	Ngã Ba Chẽ, Xã Thiệu Đô, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng tuy nhiên đang tạm dừng hoạt động
Chi nhánh Miền Trung	Xã Hương Vân, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng tuy nhiên đang tạm dừng hoạt động
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 1 Ngõ Bệ, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng tuy nhiên đang tạm dừng hoạt động

7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 46 người.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội được điều chỉnh sau khi phát hiện ra sai sót.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm:** Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng) được mua để bán lại để tạo lợi nhuận

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

Dự phòng chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Chênh lệch dự phòng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết.

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20 % đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất này, Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: tạm ứng, các khoản thu hộ chi hộ...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02- "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ đối với sản phẩm xây lắp được Công ty xác định bằng sản lượng dở dang (giá trị đã thực hiện nhưng chưa được nghiệm thu) nhân với (x) đơn giá dự toán.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tại ngày 31/12/2021 Công ty lập dự phòng một số hàng tồn kho chậm luân chuyển với số tiền: 222.728.331 đồng.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 18 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Tài sản khác	01 - 03 năm

b) Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư (BĐSDT)

BĐSDT gồm: Quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

BĐSDT được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá BĐSĐT.

BĐSDT được trích khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

7. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: Chi phí lãi vay và chi phí công trình.

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- *Phải trả chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ:* Căn cứ Hợp đồng kinh tế, thực tế sử dụng hàng hóa và dịch vụ của nhà cung cấp trong năm.
- *Trích trước chi phí lãi vay:* Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Căn cứ trích lập dự phòng phải trả

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành các công trình được ước tính theo tỷ lệ 2 - 5 % giá trị quyết toán của các công trình, căn cứ cam kết trong hợp đồng.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ.

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ: Là cổ phiếu do Công ty phát hành và mua lại, các cổ phiếu này không bị hủy bỏ và được tái phát hành trở lại theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Giá trị cổ phiếu quỹ gồm: giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ lắp đặt thi công các công trình, dịch vụ quản lý tòa nhà, dịch vụ cho thuê tài sản được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, doanh thu cho thuê và thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia: Được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), lỗ chênh lệch tỷ giá của năm báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong năm.

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty có phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VIII.2

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ kinh doanh. Các chi phí dự định để sản xuất hàng tồn kho nhưng việc sản xuất bị chậm trễ, gián đoạn, tạm ngừng, vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo. Các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn tại ngày kết thúc niên độ năm trước bao gồm chi phí dự án dở dang của các chủ đầu tư xây dựng bất động sản để bán nhưng chậm triển khai, chậm tiến độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: Chi phí đầu tư XD CB, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh (TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình); chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ; mua sắm bất động sản đầu tư (trường hợp cần có giai đoạn đầu tư xây dựng); Chi phí đầu tư XD CB bất động sản đầu tư; Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ, bất động sản đầu tư.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	765.353.728	776.879.459
Tiền gửi ngân hàng	11.872.746.695	1.043.483.852
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	<u>12.638.100.423</u>	<u>1.820.363.311</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B09-DN/HN

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	237.860	560	237.300	710.823.067	-	710.823.067
Cổ phiếu ngân hàng Vietin	237.860	560	237.300	679.836.719	-	679.836.719
Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16 (LCG)	-	-	-	30.986.348	-	30.986.348
Cộng	237.860	560	237.300	710.823.067	-	710.823.067

2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	-	-	-	3.688.963.895	-	3.688.963.895
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha	183.067.627.638	-	183.067.627.638	193.598.318.654	-	193.598.318.654
Cộng	183.067.627.638	-	183.067.627.638	197.287.282.549	-	197.287.282.549

2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển các KCN Hà Tĩnh	1.050.000.000	(1.050.000.000)	-	1.050.000.000	(1.050.000.000)	-
Công ty cổ phần BP Tư vấn và đầu tư xây dựng Hòa Bình	1.800.000.000	(33.346.619)	1.766.653.381	1.800.000.000	-	1.800.000.000
Công ty cổ phần Ván nhân tạo Yên Bái	2.550.000.000	(2.550.000.000)	-	2.550.000.000	(2.550.000.000)	-
Công ty cổ phần Cơ điện và xây dựng Hòa Bình	2.241.470.000	(2.241.470.000)	-	2.241.470.000	-	2.241.470.000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Meco	2.250.000.000	-	2.250.000.000	2.250.000.000	-	2.250.000.000
Cộng	9.891.470.000	(5.874.816.619)	4.016.653.381	9.891.470.000	(3.600.000.000)	6.291.470.000

Tại thời điểm lập BCTC này, thông tin sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển các KCN Hà Tĩnh và Công ty cổ phần Ván nhân tạo Yên Bái dựa trên số liệu của Kiểm toán năm trước và thông tin sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư là BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 chưa được kiểm toán của các công ty liên doanh liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ 3	53.540.500.045	210.637.714.285
Tổng công ty Cơ điện XDNN và Thủy lợi	-	9.485.052.564
Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4	-	15.550.778.635
Công ty CP Nam Vang	-	23.236.230.322
Công ty CP Máy và thiết bị Hà Nội	-	22.582.569.820
Công ty CP Cơ khí chính xác Vinashin	-	28.169.944.000
Công ty CP Long Giang TSQ	-	12.498.994.330
Công ty CP Linh Gas Việt Nam	-	26.598.481.094
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thủy lợi 1 - MECO	11.043.060.854	-
Công ty CP đầu tư và phát triển Đô thị Long Giang	-	14.906.802.769
Ông Nguyễn Văn Dũng	8.832.059.292	8.832.059.292
Các khách hàng còn lại	33.665.379.899	48.776.801.459
Phải thu từ bên liên quan	38.492.338.849	46.114.710.285
(Chi tiết phải thu khách là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)		
Cộng	92.032.838.894	256.752.424.570

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Kính Long Giang Hưng Yên	8.342.045.637	8.744.394.177
Công ty DKS CO., LTD	-	23.145.455.220
Các nhà cung cấp còn lại	3.336.423.888	10.093.626.841
Cộng	11.678.469.525	41.983.476.238

5. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	155.947.165.446	-	127.305.190.630	(196.467.500)
- Ông Mai Quốc Ân (BCH Công trình Nậm Hóa 1)	35.283.370.892	-	35.435.370.892	-
- Ông Nguyễn Ngọc Hưng	6.744.023.000	-	12.778.233.000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Bình (BDH CT Khánh Khê)	7.740.567.000	-	7.740.567.000	-
- Ông Nguyễn Lê Vũ	19.523.147.390	-	19.523.147.390	-
- Ông Tạ Duy Văn	5.000.000.000	-	5.064.876.000	-
- Ông Đinh Quang Hải	-	-	25.989.866.426	-
- Bà Nguyễn Thị Hoa	-	-	7.468.587.546	-
- Ông Nguyễn Văn Huyền	2.168.072.360	-	3.309.720.000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Bình (*)	63.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	16.487.984.804	-	9.994.822.376	(196.467.500)
Phải thu khác	16.994.474.418	(9.706.896.548)	212.859.882.881	(12.268.942.323)
- Công ty TNHH Ngọc Quyền	9.477.520.000	(9.477.520.000)	9.477.520.000	(2.861.256.000)
- Dự án Dương Nội	-	-	155.353.093.709	-
- Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	-	-	11.400.000.000	-
- Công ty CP máy và thiết bị Hà Nội	-	-	3.487.892.360	(3.487.892.360)
- Phải thu của bà Lộc	-	-	10.933.041.096	-
- Các đối tượng khác	7.516.954.418	(229.376.548)	22.208.335.716	(5.919.793.963)
Cầm cổ thế chấp ký quỹ, ký cược	24.603.366	-	-	-
Cộng	172.966.243.230	(9.706.896.548)	340.165.073.511	(12.465.409.823)

(*) Khoản tạm ứng của ông Nguyễn Ngọc Bình là: Khoản tạm ứng phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. Nợ xấu

6.1 Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng						
Công ty cổ phần Linh Gas Việt Nam	-	-	-	26.598.481.094	(26.598.481.094)	-
Công ty cổ phần Nam Vang	-	-	-	23.236.230.322	(23.236.230.322)	-
Tổng Công ty Xây dựng thủy lợi 4	-	-	-	15.550.778.635	(15.550.778.635)	-
Công ty CP Cơ khí chính xác Vinashin	-	-	-	28.169.944.000	(10.183.899.220)	17.986.044.780
Tổng công ty cơ điện XDNN và Thủy lợi	172.728.665	(172.728.665)	-	9.485.052.564	(9.312.323.899)	172.728.665
Công ty cổ phần Long Giang TSQ	-	-	-	12.498.994.330	(9.488.301.231)	3.010.693.099
Công ty CP Cơ điện và XDVN số 5	4.344.536.021	(4.344.536.021)	-	-	-	-
Công ty CP Máy và Thiết bị Hà Nội	-	-	-	22.582.569.820	(4.499.569.820)	18.083.000.000
Tổng công ty Xây dựng NN và PTNT Thanh Hóa - CTCP	947.816.733	(947.816.733)	-	-	-	-
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Chấn	1.708.215.973	(1.708.215.973)	-	-	-	-
Công ty CP Năng Lượng Đất Việt	864.499.178	(864.499.178)	-	-	-	-
Các đối tượng khác	7.913.663.841	(7.913.663.841)	-	17.402.079.834	(16.033.478.508)	1.368.601.326
Phải thu khác						
Công ty TNHH XD và lắp đặt thủy điện Triết Giang	-	-	-	5.765.470.753	(5.765.470.753)	-
Công ty cổ phần Máy và Thiết bị Hà Nội	-	-	-	3.487.892.360	(3.487.892.360)	-
Công ty TNHH Ngọc Quyền	9.477.520.000	(9.477.520.000)	-	9.477.520.000	(2.861.256.000)	6.616.264.000
Công ty TNHH sản xuất thương mại Hòa Bình	-	-	-	154.323.210	(154.323.210)	-
Công ty cổ phần chế biến và khai thác vật liệu xây dựng Việt Đức	26.930.000	(26.930.000)	-	-	-	-
Tổng công ty Cơ điện XDNN và TL	202.446.548	(202.446.548)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. Nợ xấu

6.1 Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Ứng trước cho người bán						
Công ty CP Long Giang TSQ	-	-	-	1.240.919.805	(1.208.745.674)	32.174.131
Công ty cổ phần Xây dựng Phúc Cường	-	-	-	1.075.000.000	(1.045.000.000)	30.000.000
Các đối tượng khác	-	-	-	857.456.396	(857.456.396)	-
Tạm ứng						
Đỗ Văn Yên	-	-	-	69.000.000	(69.000.000)	-
Nguyễn Hùng Dũng	-	-	-	84.300.000	(84.300.000)	-
Các đối tượng khác	-	-	-	576.245.123	(576.245.123)	-
Cộng	25.658.356.959	(25.658.356.959)	-	178.312.258.246	(131.012.752.245)	47.299.506.001

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	5.072.293.690	-
Nguyên liệu, vật liệu	499.746.565	-	11.879.583.868	-
Công cụ, dụng cụ	198.713.726	-	198.713.726	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	69.548.619.623	-	191.455.877.597	65.307.088.048
+ Công trình Sông Tranh 2	-	-	57.052.416.933	55.125.767.482
+ Công trình Bình Điền	-	-	5.198.022.228	5.198.022.228
+ Công trình Pleikrong	-	-	3.994.343.611	3.994.343.611
+ Công trình Nậm Hóa	-	-	15.456.544.943	-
+ Dự án 102 Trường Chinh (*)	41.042.932.232	-	42.585.662.818	-
+ Công trình thủy điện Nậm Hóa 1	27.077.637.883	-	25.397.092.248	-
+ Công trình thủy điện Nậm Hóa 2	-	-	27.859.691.807	-
+ Các dự án khác	1.428.049.508	-	13.912.103.009	988.954.727
Thành phẩm	711.075.865	222.728.331	790.614.411	222.728.331
Hàng hóa	-	-	2.031.817.685	-
Hàng gửi đi bán	4.857.015.030	-	118.519.295	-
Cộng	75.815.170.809	222.728.331	211.547.420.272	65.529.816.379

(*) Chi phí dở dang của 51 căn tòa nhà HH1B

8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	126.758.334	46.535.832
Cộng	126.758.334	46.535.832
Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	1.068.180
Cộng	-	1.068.180

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	132.036.029.974	-	-	132.036.029.974
Nhà	123.892.092.623	-	-	123.892.092.623
Cơ sở hạ tầng	8.143.937.351	-	-	8.143.937.351
Giá trị hao mòn lũy kế	25.934.228.340	2.749.014.772	-	28.683.243.112
Nhà	19.202.586.444	2.583.341.503	-	21.785.927.947
Cơ sở hạ tầng	6.731.641.896	165.673.269	-	6.897.315.165
Giá trị còn lại	106.101.801.634	(2.749.014.772)	-	103.352.786.862
Nhà	104.689.506.179	(2.583.341.503)	-	102.106.164.676
Cơ sở hạ tầng	1.412.295.455	(165.673.269)	-	1.246.622.186

Bất động sản đầu tư cho thuê phục vụ 02 hợp đồng:

+ Hợp đồng số 06/HDHT/MECO-TN ngày 02/04/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/HDHT/MECO-TN ngày 27/09/2021 với Công ty CP Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam hợp tác cho thuê trung tâm thương mại, văn phòng và tầng hầm với doanh thu 2.850.000.000 đồng/quý;

+ Hợp đồng cho Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm thuê nhà xưởng số 86/2016/HĐKT/MECO-CKVL ngày 28/06/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01/2021/PLHĐ/MCG-CKVL ngày 24/11/2021 với doanh thu 1.725.361.414 đồng/năm.

Chi phí phát sinh bao gồm chi phí khấu hao bất động sản đầu tư và chi phí thuê đất trả hàng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	3.896.600.824	99.634.265.643	12.474.720.776	367.020.922	151.837.918	116.524.446.083
Mua trong năm	-	-	54.545.455	-	-	54.545.455
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	1.796.330.000	5.334.274.683	-	-	7.130.604.683
Giảm khác	-	45.000.000	-	-	151.837.918	196.837.918
Tại ngày 31/12/2021	3.896.600.824	97.792.935.643	7.194.991.548	367.020.922	-	109.251.548.937
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2021	3.534.159.952	83.291.382.014	12.474.720.776	367.020.922	151.837.918	99.819.121.582
Khấu hao trong năm	103.335.373	2.338.581.700	-	-	-	2.441.917.073
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	249.490.280	5.279.729.228	-	-	5.529.219.508
Giảm khác	-	45.000.000	-	-	151.837.918	196.837.918
Tại ngày 31/12/2021	3.637.495.326	85.335.473.434	7.194.991.548	367.020.922	-	96.534.981.230
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	362.440.872	16.342.883.629	-	-	-	16.705.324.501
Tại ngày 31/12/2021	259.105.498	12.457.462.209	-	-	-	12.716.567.707

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2021 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

80.186.339.483 đồng

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2021 chờ thanh lý:

0 đồng

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay:

0 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	-	614.138.517
Dự án Meco City	-	107.304.540
Cộng	-	721.443.057

Trong năm Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang chi phí khác.

12. Phải trả người bán

12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là bên thứ 3	79.329.109.279	79.329.109.279	187.111.538.659	187.111.538.659
Sinotruck Liuzhou Yunli Speacial Vehicle Co., Ltd	-	-	19.783.110.160	19.783.110.160
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Long Giang	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169
Công ty cổ phần Thiết bị và Công nghệ NTM	-	-	2.270.865.838	2.270.865.838
Công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Sài Gòn Meco	-	-	9.139.753.972	9.139.753.972
Các nhà cung cấp còn lại	66.109.738.110	66.109.738.110	142.698.437.520	142.698.437.520
Phải trả người bán là bên liên quan	28.354.225.241	28.354.225.241	23.019.921.448	23.019.921.448
<i>(Chi tiết phải trả là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)</i>				
Cộng	107.683.334.520	107.683.334.520	210.131.460.107	210.131.460.107

12.2 Số nợ người bán quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Sinotruck Liuzhou Yunli Speacial Vehicle Co., Ltd	-	-	19.783.110.160	19.783.110.160
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Long Giang	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169
Công ty CP Long Giang TSQ	-	-	3.533.658.997	3.533.658.997
Công ty CP Linh Gas Việt Nam	-	-	3.491.686.678	3.491.686.678
Công ty TNHH DV Kỹ thuật và TM Quốc Khánh	-	-	11.617.829.000	11.617.829.000
Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng cơ điện	-	-	7.121.708.053	7.121.708.053
Công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Sài Gòn Meco	-	-	6.213.378.286	6.213.378.286
Công ty cổ phần cơ khí Bách Khoa	-	-	2.347.208.528	2.347.208.528
Công ty TNHH Long Giang	-	-	2.870.584.813	2.870.584.813
Công ty CP thương mại Đại Dương	2.721.406.655	2.721.406.655	-	-
Các nhà cung cấp còn lại	41.769.347.595	41.769.347.595	64.963.080.646	64.963.080.646
Cộng	57.710.125.419	57.710.125.419	135.161.616.330	135.161.616.330

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên thứ 3	224.651.225	57.879.798.233
Công ty CP Cơ khí chính xác Vinashin	-	41.131.500.000
Các khách hàng còn lại	224.651.225	16.748.298.233
Người mua trả trước là bên liên quan	19.515.464.227	28.224.938.013
(Chi tiết người mua là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)		
Các khách hàng còn lại		
Cộng	19.740.115.452	86.104.736.246

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

14.1 Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.603.112.674	1.793.043.675	6.533.256.809	1.862.899.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.299.766.573	3.975.853	9.299.766.573	3.975.853
Thuế thu nhập cá nhân	73.829.229	426.490.147	102.829.495	397.489.881
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	794.800.249	321.955.022	233.795.972	882.959.299
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	22.540.055.894	772.856.603	6.629.543.897	16.683.368.600
Cộng	39.311.564.619	3.318.321.300	22.799.192.746	19.830.693.173

14.2 Thuế phải thu

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	931.221	-	-	931.221
Cộng	931.221	-	-	931.221

Thuế GTGT

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thuế GTGT 10% đối với dịch vụ và thương mại

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả

15.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	75.242.000	5.995.595.072
Chi phí trích trước các công trình	48.035.129.998	49.172.812.552
Cộng	48.110.371.998	55.168.407.624

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

16. Phải trả khác

16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	5.810.184.538	-
Bảo hiểm xã hội	789.269.529	776.078.451
Bảo hiểm y tế	4.912.326	1.637.442
Bảo hiểm thất nghiệp	1.940.582	727.662
Kinh phí công đoàn	178.199.345	289.009.483
Phải trả về cổ phần hóa	252.180.000	252.180.000
Phải trả, phải nộp khác	83.385.706.746	106.918.683.411
- Tiền nhận đặt cọc (*)	67.657.097.000	65.892.852.000
- Phí bảo trì các căn hộ chung cư	8.165.986.988	15.557.642.736
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	87.848.300	87.848.300
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	2.683.034.726	2.683.034.726
- Các khoản phải trả khác	4.791.739.732	22.697.305.649
Cộng	<u><u>90.422.393.066</u></u>	<u><u>108.238.316.449</u></u>

(*) Tiền nhận đặt cọc của một số cá nhân theo Thỏa thuận đặt cọc mua căn hộ tại tòa HH1B.

16.2 Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Tiền đặt cọc thuê mặt bằng của Công ty cổ phần khai thác tài sản Thiên Nam	152.000.000.000	215.000.000.000
Cộng	<u><u>152.000.000.000</u></u>	<u><u>215.000.000.000</u></u>

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế TNDN hoãn lại do Công ty con chưa bán dịch vụ ra ngoài	382.470.319	369.936.547
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u><u>382.470.319</u></u>	<u><u>369.936.547</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

18. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
18.1 Vay ngắn hạn	16.740.434.753	16.740.434.753	17.050.000.000	29.509.794.753	4.280.640.000	4.280.640.000
<i>Vay cá nhân</i>	<i>6.753.390.000</i>	<i>6.753.390.000</i>	<i>17.050.000.000</i>	<i>19.550.000.000</i>	<i>4.253.390.000</i>	<i>4.253.390.000</i>
Bà Phạm Văn Hà	-	-	2.350.000.000	2.350.000.000	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Bình (1)	6.300.000.000	6.300.000.000	14.700.000.000	17.200.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
Chi nhánh Thanh Hóa vay cá nhân	293.390.000	293.390.000	-	-	293.390.000	293.390.000
Ông Ngô Tuấn Anh (2)	160.000.000	160.000.000	-	-	160.000.000	160.000.000
<i>Vay tổ chức</i>	<i>9.987.044.753</i>	<i>9.987.044.753</i>	<i>-</i>	<i>9.959.794.753</i>	<i>27.250.000</i>	<i>27.250.000</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà nội - CN Ba Đình SHB	5.964.923.576	5.964.923.576	-	5.964.923.576	-	-
Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Thiệu Hóa	27.250.000	27.250.000	-	-	27.250.000	27.250.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	3.994.871.177	3.994.871.177	-	3.994.871.177	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	16.740.434.753	16.740.434.753	17.050.000.000	29.509.794.753	4.280.640.000	4.280.640.000
18.2 Vay dài hạn	15.725.305.071	15.725.305.071	22.820.000.000	38.545.305.071	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Bình	15.725.305.071	15.725.305.071	22.820.000.000	38.545.305.071	-	-
Cộng	15.725.305.071	15.725.305.071	22.820.000.000	38.545.305.071	-	-

Chi tiết các khoản vay:

- (1) Khoản vay ngắn hạn cá nhân với Ông Nguyễn Ngọc Bình theo các hợp đồng vay ngắn hạn với lãi suất 5%/năm. Mục đích của các khoản vay để phục vụ thanh toán tiền vay cho nhà thầu lắp đặt thi công.
- (2) Khoản vay ngắn hạn cá nhân với Ông Ngô Tuấn Anh theo hợp đồng vay ngày 01/04/2020 với lãi suất vay 5%/năm. Mục đích của các khoản vay để thanh toán tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

19. Vốn chủ sở hữu

19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	219.167.896.102	(316.624.523.464)	465.994.982.228
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(763.731.665)	-	(763.731.665)
Tăng khác	-	-	-	-	22.244.766.009	-	22.244.766.009
Lãi /lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(9.333.253.156)	(9.333.253.156)
Giảm khác	-	-	-	-	(233.980.284.333)	(11.613.651.037)	(245.593.935.370)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	6.668.646.113	(337.571.427.657)	232.548.828.046
Số dư đầu năm nay	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	6.668.646.113	(337.571.427.657)	232.548.828.046
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	5.965.950	(36.785.396.986)	(36.779.431.036)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(6.713.656.809)	(443.748.755)	(7.157.405.564)
Số dư cuối năm nay	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(39.044.746)	(374.800.573.398)	188.611.991.446

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số năm nay	Số năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	575.100.000.000	575.100.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>575.100.000.000</u>	<u>575.100.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.510.000	57.510.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.460.000	5.460.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.460.000	5.460.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.050.000	52.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	52.050.000	52.050.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

20. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngoại tệ các loại		
USD	-	306,05
EUR	-	295,38
- Công nợ khó đòi đã xử lý trong 10 năm gần đây	287.961.634.457	184.051.396.602

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	68.558.244.208	30.237.212.503
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.545.332.944	62.448.132.726
Doanh thu hợp đồng xây dựng	82.281.611.444	32.527.682.856
Cộng	<u>174.385.188.596</u>	<u>125.213.028.085</u>

1.2 Doanh thu với các bên liên quan

Xem Thuyết minh VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá đã bán	75.076.103.172	29.851.970.820
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	16.771.172.060	21.330.608.399
Giá vốn hợp đồng xây dựng	76.377.097.154	55.995.309.864
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.107.690.561	-
Cộng	179.332.062.947	107.177.889.083

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	442.398.636	1.573.605.247
Lãi bán các khoản đầu tư	518.276.103	10.003.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	210.362.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	378.275.705	-
Cộng	1.549.312.444	1.583.608.747

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	547.162.831	5.258.366.191
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	113.649.110
Dự phòng giảm giá chứng khoán KD và tổn thất đầu tư	2.274.817.179	1.667.507.919
Chi phí tài chính khác	2.363.765	15.974.686
Cộng	2.824.343.775	7.055.497.906

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.553.891.300	6.521.707.372
Chi phí vật liệu quản lý	254.682.601	245.882.633
Chi phí đồ dùng văn phòng	122.404.054	240.862.312
Chi phí khấu hao TSCĐ	103.335.373	6.055.633
Thuế, phí và lệ phí	93.209.050	675.557.009
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(433.752.273)	403.077.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.168.914.075	1.159.640.450
Chi phí bằng tiền khác	191.215.656	225.591.150
Cộng	7.053.899.836	9.478.374.182

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xóa nợ phải trả	12.961.556.000	-
Các khoản khác	1.451.323.631	1.686.204.114
Cộng	14.412.879.631	1.686.204.114

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp thuế	764.475.614	1.668.686.000
Khấu hao của các năm trước	-	1.977.651.952
Xóa nợ phải thu	26.658.281.576	-
Lỗ thanh lý bán tài sản	1.200.021.538	-
Các khoản khác	256.011.920	4.304.876.367
Cộng	28.878.790.648	7.951.214.319

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.541.148.258	28.122.738.937
Chi phí nhân công	7.401.531.520	17.372.581.367
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.068.180	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.190.931.845	18.575.212.724
Chi phí dự phòng	238.392.968	(130.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.319.854.049	11.732.099.009
Chi phí khác bằng tiền	12.073.086.337	66.116.402.427
Cộng	<u>85.766.013.157</u>	<u>141.789.034.464</u>

9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(85.586.600)	(197.451.780)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(85.586.600)</u>	<u>(197.451.780)</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(36.785.396.986)	(9.333.253.156)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	(36.785.396.986)	(9.333.253.156)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	52.050.000	52.050.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(707)	(179)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	52.050.000	52.050.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	52.050.000	52.050.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	39.870.000.000	29.640.923.576
Cộng	<u>39.870.000.000</u>	<u>29.640.923.576</u>

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	68.605.099.824	30.045.112.169
Cộng	<u>68.605.099.824</u>	<u>30.045.112.169</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Họ tên bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Thành viên quản lý chủ chốt trực tiếp điều hành:			
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT	Lương thưởng, phụ cấp	469.410.947	470.224.636
	Cho Công ty vay	70.641.570.000	10.016.000.000
	Công ty trả gốc vay	59.865.305.071	27.750.000.000
	Công ty tạm ứng	63.000.000.000	2.741.000.000
	Hoàn ứng về Công ty	-	2.741.000.000
Trần Hải Anh - Tổng giám đốc (đã miễn nhiệm)	Lương thưởng, phụ cấp	81.286.572	471.804.051
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc	Lương thưởng, phụ cấp	367.785.165	435.514.211
	Hoàn ứng về Công ty	6.034.210.000	6.627.267.000
Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc - Phó tổng giám đốc	Lương thưởng, phụ cấp	315.197.755	201.715.801
Bà Phạm Thị Chinh Lương - Kế toán trưởng	Lương thưởng, phụ cấp	292.927.441	297.333.789
Thành viên quản lý chủ chốt không trực tiếp điều hành:			
Ông Trần Hải Anh (Thành viên HĐQT)	Lương thưởng, phụ cấp	56.160.000	-
Ông Nguyễn Văn Huyền (Phó tổng giám đốc kiêm TV HĐQT)	Lương thưởng, phụ cấp	56.160.000	113.760.000
	Công ty tạm ứng	633.120.376	23.700.000
	Hoàn ứng	10.000.000	
Ông Đỗ Quang Tuấn (Thành viên HĐQT)	Lương thưởng, phụ cấp	56.160.000	42.660.000
Ông Trần Ngọc Chiến (Thành viên HĐQT)	Lương thưởng, phụ cấp	32.760.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Vay	-	17.225.305.071
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Tạm ứng	63.000.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tạm ứng	6.744.023.000	12.778.233.000
Ông Trần Hải Anh - Tạm ứng	40.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Văn Huyền - Tạm ứng	273.700.000	23.700.000

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam	Con gái Ông Bình là Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc CTCP Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam
Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện	Con trai Ông Bình là Tổng giám đốc CTCP Thiết bị phụ tùng cơ điện
Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long	Ông Bình là Tổng giám đốc CTCP Năng lượng tái tạo Bình Long
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc Công ty là đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Xây dựng MCG

Giao dịch với các bên liên quan này trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha		
- Phải thu tiền khối lượng thi công	11.353.370.558	21.197.332.081
- Doanh thu cung cấp điện, nước	13.736.233	52.050.978
- Chi hộ tiền lương, bảo hiểm	423.928.274	-
- Thu hộ tiền lương, bảo hiểm	369.898.038	-
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn		
- Thuê thi công công trình	2.447.780.280	24.766.440.691
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam		
- Cho thuê mặt bằng, cung cấp điện nước	11.296.838.740	11.272.345.524
- Thanh toán tiền thuê mặt bằng, điện nước	43.193.842.331	1.771.460.392
- Thanh toán tiền đặt cọc	215.000.000.000	-
- Thu tiền đặt cọc hợp tác kinh doanh thuê mặt bằng	152.000.000.000	-
Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long		
- Doanh thu thi công công trình	52.204.893.408	-
- Thu tiền thi công công trình	69.228.795.187	-
Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện		
Thanh toán tiền mua vật tư	5.550.000.000	-
Công ty CP đầu tư và phát triển điện Meco		
Thanh toán tiền mua vật tư	2.500.000.000	-
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê		
Thanh toán tiền mua vật tư	3.090.363.045	-
Chi hộ tiền bảo hiểm	59.571.488	-
Đã thu được tiền bảo hiểm của Công ty Khánh Khê	72.420.682	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty CP Xây dựng MCG

Phải thu về tiền điện, cho thuê mặt bằng	4.277.607	-
Thanh toán khối lượng thi công Nậm Hóa 1, Bàn Mòng, Bình Long	27.079.526.928	-
Phải thu tiền lương, bảo hiểm, khác	163.879.384	-
Thanh toán khối lượng thi công DA 102	63.513.937.848	-
Phải trả về khối lượng thi công Nậm Hóa 1, Bàn Mòng, Bình Long	18.688.735.110	-
Phải thu về cho vay và đã thu tiền vay	8.404.386.000	-
Phải trả khác	10.980.000.000	-
Thanh toán phải trả khác	10.782.916.700	-
Thu tiền điện nước, chi hộ khác, thu khác	141.949.384.753	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Nợ phải thu</u>		
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện An Pha	31.894.656.932	10.545.165.978
Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	107.531.002	30.876.997.057
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	925.682.068	925.682.068
Công ty CP Thủy điện Khánh Khê	4.686.006.834	3.766.865.182
Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long	878.462.013	-
Cộng	38.492.338.849	46.114.710.285
<u>Ứng trước cho người bán</u>		
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	133.164.000	133.164.000
Cộng	133.164.000	133.164.000
<u>Phải thu khác</u>		
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện An Pha	402.194.522	368.686.992
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	48.774.956	141.829.574.956
Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	-	1.036.363.636
Cộng	1.950.969.478	144.734.625.584
<u>Người mua trả tiền trước</u>		
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	1.972.261.766	1.972.261.766
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	-	9.900.149
Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long	8.232.173.251	-
Công ty CP Đầu tư thủy điện Anpha	9.256.029.210	26.187.776.098
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	55.000.000	55.000.000
Cộng	19.515.464.227	28.224.938.013
<u>Phải trả người bán</u>		
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	625.965.310	2.926.375.686
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	6.565.210.086	-
Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện	17.392.536.449	10.770.036.450
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	-	3.052.995.916
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	3.770.513.396	6.270.513.396
Cộng	28.354.225.241	23.019.921.448

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phải trả khác

Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	-	137.469.755
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	133.524.356	50.526.048
Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	152.000.000.000	215.000.000.000
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	197.083.300	-
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	-	41.000.000
Cộng	152.330.607.656	215.228.995.803

3. Báo cáo bộ phận

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 lĩnh vực kinh doanh là: xây lắp; dịch vụ thương mại và dịch vụ khác Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Chỉ tiêu	Dịch vụ xây lắp	Dịch vụ thương mại	Dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu bán ra bên ngoài	82.281.611.444	68.558.244.208	23.545.332.944	174.385.188.596
Doanh thu bán nội bộ	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	82.281.611.444	68.558.244.208	23.545.332.944	174.385.188.596
Chi phí kinh doanh				
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	76.377.097.154	75.076.103.172	16.771.172.060	168.224.372.386
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	11.107.690.561	-	11.107.690.561
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.904.514.290	(17.625.549.525)	6.774.160.884	(4.946.874.351)
- Chi phí QLDN				7.053.899.836
- Doanh thu hoạt động tài chính				1.549.312.444
- Chi phí hoạt động tài chính				2.824.343.775
- Lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết				(9.119.325.248)
Kết quả HĐKD				(22.395.130.766)
- Thu nhập từ HĐTC				14.412.879.631
- Lợi nhuận khác				28.878.790.648
- LN/(lỗ) trước thuế				(36.861.041.783)

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh đã được điều chỉnh hồi tố theo các thông tin Kiểm toán viên thu thập được trong cuộc kiểm toán. Các chỉ tiêu thay đổi so với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Số liệu BCTC đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng Cân đối kế toán				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10.933.041.096	(10.933.041.096)	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	176.075.751.995	164.089.321.516	340.165.073.511
Hàng tồn kho	141	368.384.932.575	(156.837.512.303)	211.547.420.272
Tài sản cố định hữu hình	221	122.421.647.766	(105.716.323.265)	16.705.324.501
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	222	246.128.233.233	(129.603.787.150)	116.524.446.083
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	223	(123.706.585.467)	23.887.463.885	(99.819.121.582)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.760.173.045	(6.038.729.988)	721.443.057
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(24.613.530.293)	21.013.530.293	(3.600.000.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	73.052.828	296.883.719	369.936.547
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.946.459.774	22.365.104.845	39.311.564.619
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	58.849.639.507	(3.681.231.883)	55.168.407.624
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(332.808.408.341)	(4.763.019.316)	(337.571.427.657)
Báo cáo KQ HĐKD				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8.291.450.221	1.186.923.961	9.478.374.182
Chi phí khác	32	51.909.948	7.899.304.371	7.951.214.319
Lợi nhuận khác	40	1.634.294.166	(7.899.304.371)	(6.265.010.205)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(7.825.822.883)	(2.468.613.718)	(10.294.436.601)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	(197.451.780)	(197.451.780)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(7.825.822.883)	(2.271.161.938)	(10.096.984.821)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	(7.062.091.218)	(2.271.161.938)	(9.333.253.156)
Báo cáo LCTT				
Lợi nhuận trước thuế	01	(1.223.615.807)	(9.070.820.794)	(10.294.436.601)
Tăng giảm các khoản phải trả	11	(276.449.533.536)	6.296.085.157	(270.153.448.379)

Giải thích lý do

Các thay đổi trên do phân loại các nghiệp vụ phát sinh về đúng bản chất của nghiệp vụ:

- Khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn giảm 10.933.041.096 đồng, tương ứng với khoản tăng Phải thu khác ngắn hạn, do đây là khoản Công ty ủy thác Bà Lê Thị Bích Lộc gửi tiền tiết kiệm thời hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.
- Tài sản cố định hữu hình giảm 129.603.787.150 đồng, tương ứng với khoản tăng Bất động sản đầu tư, do đây là những nhà cửa, vật kiến trúc nắm giữ để cho thuê trong năm.
- Hàng tồn kho giảm 156.837.512.303 đồng, tương ứng với khoản tăng Phải thu khác ngắn hạn, do đây là khoản ủy thác thực hiện Dự án Dương Nội và điều chỉnh giảm hàng tồn kho của bút toán khi hợp nhất.
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng 22.365.104.845 đồng, tương ứng với khoản giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Đồng thời, Chi phí khác tăng 1.601.375.013 đồng, tương ứng với khoản giảm Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Các thay đổi này là do chi phí phạt nộp chậm thuế được điều chỉnh cho những năm trước.
- Các bút thay đổi còn lại do ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng nợ phải trả quá hạn của Công ty là 57.710.125.419, khoản lỗ lũy kế của công ty là: 374.305.422.336 đồng. Đồng thời theo quyết định số 31404/QĐ-CTHN-QLN ngày 12/08/2021 của Cục thuế thành phố Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng để thi hành cưỡng chế thuế 1 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2021 với số tiền thuế bị cưỡng chế là 22.485.077.489 đồng. Trong thời gian qua Công ty đã nộp bổ sung thuế dẫn đến số thuế còn nợ tại ngày 31/03/2022 là: 7.870.311.663 đồng. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Ngọc Bình đồng thời là cổ đông lớn của Công ty cam kết tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách cho vay tài chính để Công ty có thể tiếp tục hoạt động. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch hội đồng quản trị



Phạm Thị Chinh Lương

Phạm Thị Chinh Lương

Nguyễn Ngọc Bình